

TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2023

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NH DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm Nh dân:

1. Ông Nguyễn Minh Nhựt;

2. Ông Nhâm Đức Hùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Duyên- Thư ký Tòa án Nh dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát Nh dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông Lê Quốc Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nh dân huyện Ch, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ông Thị Ngọc G, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

(Chị Ông Thị Ngọc G có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Lê Thủy T, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh Lê Thủy T vắng mặt 02 lần không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 11-4-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ông Thị Ngọc G trình bày:* Vào năm 1999 được sự đồng ý của gia đình hai bên, tôi và anh Lê Thủy T thành lập gia đình với nhau trên cơ sở hôn Nh

hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Ch, tỉnh K.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó giữa vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau do không cùng chung quan điểm sống, dù rằng gia đình hai bên đã dần xếp nhưng bất thành. Từ đó dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay.

Nay chị G xét thấy tình cảm giữa chị và anh T đã hết, không thể hàn gắn lại được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thủy T.

Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 02 người con chung tên Lê Thủy Nh, sinh ngày 18-9-2000 và Lê Thị Như Q, sinh ngày 08-4-2003. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Ông Thị Ngọc G có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin đ- ợc ly hôn với anh Lê Thủy T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thủy Nh, sinh ngày 18-9-2000 và Lê Thị Như Q, sinh ngày 08-4-2003. Các con hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Thủy T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T đều không có mặt.

Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương như sau:

Tại biên bản xác minh ban lãnh đạo ấp H, xã M, huyện Ch, tỉnh K (bút lục số : 32) xác nhận: Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

Hai vợ chồng anh Lê Thủy T hiện nay không còn sống chung với nhau. Chị Ông Thị Ngọc G đã bỏ nhà đi 2-3 năm nay. Do mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau.

Anh Lê Thủy T hiện nay có hộ khẩu thường trú và vẫn sinh sống tại địa phương ấp H, xã M, huyện Ch, tỉnh K. Tại thời điểm cán bộ Toà án đến tổng đạt văn bản tố tụng thì anh T không chịu ký nhận văn bản.

Tại phiên tòa chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Anh T vắng mặt không lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát Nh dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là chị Ông Thị Ngọc G: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn anh Lê Thuỷ T: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều không có mặt; tại phiên tòa, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Ông Thị Ngọc G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 11-4-2023 chị Ông Thị Ngọc G có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Thuỷ T. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nh dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Anh Lê Thuỷ T chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ông Thị Ngọc G, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Lê Thuỷ T vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Thuỷ T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn Nh: Chị Ông Thị Ngọc G và anh Lê Thuỷ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2002 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn Nh hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị G nguyên nhân giữa vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau do không cùng chung quan điểm sống, dù rằng gia đình hai bên đã dàn xếp nhưng bất thành. Từ đó dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân với nhau từ tháng năm 2021 cho đến nay.

Nay chị G xét thấy tình cảm giữa chị và anh T đã hết, không thể hàn gắn lại được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thủy T.

Thực tế chị G và anh T đã sống trong tình trạng ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng giữa chị G và anh T đã kéo dài, mục đích hôn Nh không đạt được, chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn Nh và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G, xử cho chị Ông Thị Ngọc G được ly hôn anh Lê Thủy T là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Ông Thị Ngọc G xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung Lê Thủy Nh, sinh ngày 18-9-2000 và Lê Thị Như Q, sinh ngày 08-4-2003. Hiện nay Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh T theo quy định pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa chị G và anh T. Mặt khác, trong quá trình giải vụ án tại Toà án cũng như tại phiên toà chị G xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh T, anh chị không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Ông Thị Ngọc G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn Nh và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn Nh: Cho ly hôn giữa chị Ông Thị Ngọc G và anh Lê Thuỷ T.
2. Về con chung: Chị Ông Thị Ngọc G xác nhận hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Chị Ông Thị Ngọc G phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị G được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005525, ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; chị G không phải nộp thêm.

“Trưởng hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Chị Ông Thị Ngịc G có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thuỷ T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- Các đ-ong sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thuý Hằng

